

Số: 185/2026/QĐST-DS

Đồng Tháp, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 381/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1961, CCCD: 082161011177.

Địa chỉ: số A, khu phố A, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện uỷ quyền: Phan Thị U, sinh năm 1964, CCCD: 082164015467.

Địa chỉ: 8 N, khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1948, CCCD: 082148008231.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05 tháng 10 năm 2024 đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 01, diện tích: 5.514 m², loại đất ở nông thôn và cây lâu năm, tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DK 308793; Sổ vào sổ cấp GCN: CS03877 do Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh T cấp ngày 28/02/2023, Sổ công chứng 6604, Quyền số 10/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng C1, tỉnh Đồng Tháp) giữa bà Nguyễn Thị Thu V và bà Nguyễn Thị T.

+ Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 813.930.000 đồng (Tám trăm mười ba triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu V ½ tiền chi phí tố tụng là 9.600.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Bà Nguyễn Thị Thu V tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị T 01 Bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DK 308793; Số vào sổ cấp GCN: CS03877 do Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh T cấp ngày 28/02/2023.

Thực hiện việc trả tiền, trả Bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngay sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V và bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự; có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 36 Luật thi hành án dân sự hoặc bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 72 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Phan Thị Kiều Oanh